

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Stt | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1.1 | Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng | | |
| 1.1 | Đối với các yêu cầu về chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu dùng cho gói thầu | - Có bảng kê đầy đủ đúng theo yêu cầu của E-HSMT, nêu rõ và đầy đủ đặc tính kỹ thuật, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc của vật tư, vật liệu chính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT. - Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp các vật tư, vật liệu | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 1.2 | Công tác thí nghiệm | Có phòng thí nghiệm hoặc văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc thực hiện công việc thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt | | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | | Không đạt |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| | | | |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 2 | Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc: | | |
| 2.1 | Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc gói thầu | Nêu được hiểu biết về điều kiện tự nhiên, tính chất, mục đích và các yếu tố đặc thù của gói thầu, có sự am hiểu về gói thầu | Đạt |
| | | Không nêu hoặc nêu sơ sài, chung chung không phù hợp, không sát với gói thầu | Không đạt |
| 2.2 | Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên. | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý. | Đạt |
| | | Không có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt | | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | | Không đạt |

3. Giải pháp kỹ thuật tổ chức thi công:

| | | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.1 | Hiểu biết về điều kiện tự nhiên, vị trí và nhận thức đầy đủ về mặt bằng thi công và tổ chức mặt bằng công trường: Văn phòng làm việc, lán trại công nhân, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. (Bản vẽ mặt bằng bố trí công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, có biện pháp bảo vệ công trình lân cận và bản vẽ nêu rõ vị trí, địa điểm dự kiến bố trí mặt bằng kèm theo. | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

| | | | |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| | thải, nêu rõ vị trí, địa điểm dự kiến bố trí mặt bằng) | | |
| 3.2 | Giải pháp thi công xây dựng phần công việc, công tác theo thiết kế, khối lượng mời thầu và quy mô công trình, yêu cầu tại chương V, phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Đề xuất kỹ thuật của nhà thầu đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với nội dung quy mô công việc theo hồ sơ thiết kế và nội dung tham chiếu nêu tại chương V. | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.3 | Giải pháp dọn dẹp vệ sinh và hoàn trả mặt bằng (Phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành) | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | |
| 3.4 | Bảo hành bảo trì | - Thời gian bảo hành theo yêu cầu tại Mục 8 | Đạt |
| | | - Không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | | Không đạt |

4. Biện pháp tổ chức thi công:

| Stt | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.1 | Biện pháp thi công | |
| 4.1.1 | Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục, mô tả biện pháp, công nghệ thi công bám sát nội dung khối lượng mời thầu và quy mô công trình chương V, phù hợp với máy móc thiết bị sử dụng và tuân thủ quy trình quy phạm hiện hành | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất phương án, tổ chức thi công, thiết bị, công nghệ thi công các phần công việc phù hợp với tiến độ từng hạng mục, điều phối nhân lực, thiết bị, vật tư công việc đảm bảo tiến độ, chất lượng toàn bộ công trình theo trình tự và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nêu trong E-HSMT và quy định hiện hành, phù hợp với máy móc thiết bị mà nhà thầu kê khai trong hồ sơ dự thầu. - Biện pháp tổ chức thi công hợp lý, phù hợp, đúng quy trình, trình tự |

| | | | |
|-----------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| | | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4.1.2 | Biện pháp quản lý chất lượng trong triển khai thi công | Có đề xuất biện pháp quản lý trong các công tác triển khai thi công hợp lý, chi tiết, đảm bảo quy định | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không đạt một trong các tiêu chí trên | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | | Không đạt |

5. Tiến độ thi công:

| Stt | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 5.1 | Thời gian thi công: Đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT - 240 ngày | Đề xuất thời gian thi công đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT: ≤ 240 ngày Thuyết minh giải pháp để đảm bảo tiến độ thực hiện gói thầu hợp lý, khả thi, phù hợp với nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đề xuất cho gói thầu này. | Đạt |
| | | Không đáp ứng tiêu chí trên. | Không đạt |
| 5.2 | Biểu tiến độ huy động nhân lực, thiết bị thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | | Không đáp ứng tiêu chí trên | Không đạt |
| 5.3 | Biểu đồ bố trí nhân lực | Có biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và đề xuất kỹ thuật. | Đạt |
| | | Không có biểu đồ bố trí nhân lực hoặc có nhưng không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| 5.4 | Biểu đồ huy động máy móc, thiết bị | Có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Đạt |

| | | | |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| | | Không có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 được xác định là đạt | | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | | Không đạt |

6. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| STT | | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|-----------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 6.1. | Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công: | | |
| 6.1 | Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng | - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng. | Đạt |
| | | Không trình bày đầy đủ, không hợp lý hoặc không nêu. | Không đạt |
| 6.2 | Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão | Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | | Không đạt |
| | | | |

7. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | | Mức độ đáp ứng |
|------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 7.1. An toàn lao động | | |
| 7.1.1 | Biện pháp an toàn lao động | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, rõ ràng. Đạt |

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| | | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng. | Không đạt |
| 7.2. Phòng cháy, chữa cháy | | | |
| 7.2.1 | Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng. | Đạt |
| | | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng. | Không đạt |
| 7.3. Vệ sinh môi trường | | | |
| 7.3.1 | Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, công trình hiện hữu. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng. | Đạt |
| | | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng. | Không đạt |
| Kết luận | | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |

8. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | | Mức độ đáp ứng | |
|----------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 8.1. Bảo hành | | | |
| 8.1.1 | Bảo hành: Thời gian bảo hành 18 tháng | Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 18 tháng và có đề xuất giá trị bảo hành $\geq 5\%$ giá trị hợp đồng | Đạt |
| | | Có đề xuất thời gian bảo hành < 18 tháng hoặc có đề xuất giá trị bảo | Không đạt |

| | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--|
| | | hành < 5% giá trị hợp đồng | |
| 9. Uy tín của nhà thầu | | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng trước đó trong vòng 3 năm trở lại đây (từ 01/01/2022 đến ngày mở thầu) | <p>Nhà thầu có cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không có hợp đồng bỏ dở, chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu trong vòng 3 năm trở lại đây theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP - Nhà thầu không vi phạm các hành vi sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) + Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP + Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung; + Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng | Đạt | |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt | |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt | |

| | | |
|--|---------------------------------------------------|------------------|
| | Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt | Không đạt |
|--|---------------------------------------------------|------------------|